TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 73/2024/QĐST-HNGĐ
Ngày: 02/07/2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

+ *Chủ tọa phiên họp*: Bà **Võ Hồng Thúy** - Thẩm phán

+ *Thư ký phiên họp*: Bà **Lê Ngọc Lam Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Cần Thơ tham gia phiên họp*: Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 2 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, theo Quyết định mở phiên họp số: 43/2024/QĐST-VHNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Người yêu cầu: **Trần Thị Minh D**, sinh năm 1970.
ĐKTT: 44/16 T, phường C, quận K, thành phố Cần Thơ.
Địa chỉ liên hệ: 181 A, Phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.
Người liên quan đến yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:
1. Ông Trần Minh T, sinh năm: 1969.
Địa chỉ: F1 A, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ
2. Bà **Trần Thị Minh T**, sinh năm: 1973.
Địa chỉ: 16/2C A, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ
3. Cháu **Trần Minh T**, sinh năm: 2016.
Địa chỉ: 44/16 T, phường C, quận K, thành phố Cần Thơ.
Chỗ ở hiện nay: 181 A, Phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp bà Trần Thị Minh D trình bày: Do trước đây bà là mẹ đơn thân chưa có hộ khẩu ổn định cho con là Trần Minh T học trường công nên bà làm thủ tục nhận nuôi con nuôi với em ruột là Trần Thị Minh T và em rể là Trần Minh T mục đích nhập hộ khẩu để bé T học tại Cần Thơ. Vào ngày 15/08/2016 bà

có giao bé T cho ông T và bà T làm con nuôi theo Giấy chứng nhận nhận nuôi con nuôi số 02/2016, ngày 15/08/2016 của Ủy ban nhân dân phường B, quận K, TP Cần Thơ.

Đến nay cuộc sống bà D ổn định và bé đã lớn nên bà muốn nhận lại con nên yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi và được bà T và ông T thống nhất.

Theo bản tự khai và tại phiên họp Ông Trần Minh T và bà Trần Thị Minh T trình bày: Ông T và bà T có nhận bé T làm con nuôi đúng theo trình bày của bà D. Ông và bà đồng ý chấm dứt việc nuôi con nuôi theo yêu cầu của bà D.

Tại phiên họp,

- Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như nêu trên;

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và thư ký phiên họp trong quá trình giải quyết việc dân sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền; việc thu thập chứng cứ của Tòa án, việc cung cấp chứng cứ của đương sự đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm i khoản 2 Điều 39; Điều 361 và Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Luật Nuôi con nuôi chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Minh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận K nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Trần Thị Minh D có đơn yêu cầu về việc chấm dứt việc nuôi con, nên căn cứ khoản 5 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án với loại việc yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình "Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi". Ngoài ra căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35; điểm i khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Cần Thơ;

[2] Xét nội dung yêu cầu:

Bà Trần Thị Minh D là mẹ đơn thân có con là Trần Minh T, sinh năm 2016. Do chưa có hộ khẩu ổn định và mong muốn cho con học trường công nên bà làm thủ tục nhận nuôi con nuôi với em ruột là Trần Thị Minh T và em rể là Trần Minh T mục đích nhập hộ khẩu để bé T học tại Cần Thơ. Vào ngày 15/08/2016 bà có giao bé T cho ông T và bà T làm con nuôi.

Việc nuôi con nuôi đã được sự đồng ý của bên cho làm con nuôi, bên nhận nuôi con nuôi và con nuôi và đã được làm thủ tục hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, Thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của pháp luật vào thời điểm nhận nuôi con nuôi, được thể hiện tại các chứng cứ: Lời khai của người yêu cầu giải quyết việc dân

sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Giấy chứng nhận nhận nuôi con nuôi số 02/2016, ngày 15/08/2016 của Ủy ban nhân dân phường B, quận K, Thành phố Cần Thơ.

Trong thời gian chung sống, hai bên có thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi đối với con nuôi và con nuôi với cha mẹ nuôi, hai bên không có mâu thuẫn gì. Trong thời gian làm con nuôi không có tài sản riêng, không có công lao đóng góp gì vào khối tài sản chung của cha, mẹ nuôi.

Hiện nay, cuộc sống bà D đã ổn định nên bà muốn nhận lại con nên yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà T và ông T đối với bé T.

Trong quá trình giải quyết việc hôn nhân và gia đình, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông T và bà T trình bày đồng ý với yêu cầu của bà D và không có ý kiến gì khác.

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai và trình bày tại phiên họp bà D yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa Ông Trần Minh T, bà Trần Thị Minh T với cháu Trần Minh T. Lý do bà D mong muốn nhận lại con và cháu Trần Minh T cũng mong muốn thôi không làm con nuôi.

Xét lời khai của bà D, ông T và bà T phù hợp với nội dung án lệ Số 61/2023/AL1 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi như sau: Mẹ đẻ là bà D và cha mẹ nuôi là bà T và ông T thống nhất về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi đới với cháu T. Bên cạnh đó, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ đẻ. Do đó, áp dụng Án lệ số 61/2023/AL1 đối với yêu cầu của bà D là phù hợp.

Từ các nhận định trên xét thấy, yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Trần Thị Minh D là có căn cứ, cần chấp nhận. Căn cứ vào Án lệ số 61/2023/AL1; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Luật nuôi con nuôi; Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngoài ra người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác, nên không xét đến.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án thống nhất theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Minh D.

[3] Về lệ phí xét việc hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Minh D phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- *Căn cứ*: Khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm i khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, Điều 149, Điều 361; Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Án lệ số 61/2023/AL1; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình.;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của bà bà Trần Thị Minh D về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà Trần Thị Minh T và Ông Trần Minh T với cháu Trần Minh T. Quyền và nghĩa vụ

giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực. Quyền và nghĩa vụ giữa mẹ đẻ là bà Trần Thị Minh D và con đẻ là Trần Minh T được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

2. Lệ phí xét việc hôn nhân và gia đình: Bà Trần Thị Minh D phải nộp **300.000** đồng (Ba trăm ngàn đồng), được chuyển từ tiền tạm ứng lệ phí sang lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000595, ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Cần Thơ.

3. Đương sự có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo Khoản 2 Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.K;
- Chi cục THADS Q. K;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

VÕ HỒNG THÚY